

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 2440/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng chuyển
mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng
thuê đất để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Minh Hưng 2.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định
thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích
sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số
43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày
06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi
tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng
dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/03/2018 của UBND tỉnh về
việc phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình
Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*



Căn cứ Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Minh Hưng 2;

Căn cứ Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh điều chỉnh Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Minh Hưng 2;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 632/TTr-STNMT ngày 14/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 326.667,3 m² (Ba trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy phẩy ba mét vuông); trong đó: gồm 324.312,1 m² đất trồng cây lâu năm và 2.355,2 m² đường lô sang mục đích khác và cho thuê đất với diện tích chuyển mục đích nêu trên để thực hiện dự án Cụm công nghiệp Minh Hưng 2, cụ thể như sau:

1. Khu đất tọa lạc tại: Xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
2. Vị trí, ranh giới khu đất: Được thể hiện theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đất Đạc thực hiện ngày 28/8/2021, đã được Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra ngày 01/9/2021.
3. Mục đích sử dụng đất: (Có biểu chi tiết kèm theo).
4. Thời hạn thuê đất: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày ký Quyết định cho thuê đất.
5. Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.
6. Tiền thuê đất: Do cơ quan có thẩm quyền xác định.
7. Nguồn gốc đất: Thuộc quyền sử dụng đất của Công ty Cao su Phú Riềng (nay là Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng) đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 3178 QSDĐ/UB ngày 16/11/2000.

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo:
 - a) Văn phòng Đăng ký đất đai: Lập hồ sơ xác định thông tin địa chính của khu đất gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng phải nộp và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.
 - b) Chi cục Quản lý đất đai: Phối hợp với các đơn vị có liên quan bàn giao đất ngoài thực địa.

2. Cục Thuế Bình Phước phối hợp với các cơ quan có liên quan: Thông báo các khoản nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng phải nộp.

3. Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng:

a) Đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký điều chỉnh Hợp đồng thuê đất cũ và ký Hợp đồng thuê đất mới; chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất.

b) Nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Cục Thuế Bình Phước, Trung tâm Phục vụ hành chính công Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Minh Hưng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Minh



**DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT CHO CÔNG TY TNHH MTV CAO SU PHÚ RIỀNG
THUÊ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN CỤM CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG 2**

(Kèm theo Quyết định số 2440 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021
của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Số thửa đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
I	Trồng cây xanh	39.587,6		
1	3	297,5	Đất công trình công cộng khác	
2	5	1.625,3	Đất công trình công cộng khác	
3	7	22.295,4	Đất công trình công cộng khác	
4	8	304,8	Đất công trình công cộng khác	
5	10	1.649,4	Đất công trình công cộng khác	
6	16	101,2	Đất công trình công cộng khác	
7	17	442,8	Đất công trình công cộng khác	
8	18	4.669,2	Đất công trình công cộng khác	
9	19	108,8	Đất công trình công cộng khác	
10	20	8093,2	Đất công trình công cộng khác	
II	Nhà xưởng	214.600,2		
11	1	23.892,8	Đất cụm công nghiệp	X.01
12	4	42.874,6	Đất cụm công nghiệp	X.02
13	6	62.018,5	Đất cụm công nghiệp	X.04
14	9	45.633,2	Đất cụm công nghiệp	X.03
15	14	40.181,1	Đất cụm công nghiệp	X.05
III	Đường giao thông	53.309,3		
16	11	53.309,3	Đất giao thông	
IV	Khu thương mại, công cộng	3.323,5		
17	15	3.323,5	Đất thương mại, dịch vụ	
V	Hạ tầng kỹ thuật	15.846,7		
18	2	9605,1	Đất Thủy lợi (kèm đất Công trình năng lượng)	Xử lý nước thải (kết hợp trạm điện)
19	12	3103,8	Đất Thủy lợi	Trạm bơm tăng áp
20	13	3.137,8	Đất giao thông	Bãi xe
Tổng cộng (I+II+III+IV+V)		326.667,3		